

사증발급신청서 ĐƠN XIN CẤP VISA

※ 사증발급인정번호(Số chứng nhận cấp Visa: _____)

사 진 H ình 3.5 cm × 4.5 cm	1. 성 Họ	3. 漢字姓名	4. 성별 Giới tính Nam [] Nữ []
	2. 명 Tên	5. 생년월일 Ngày tháng năm sinh	
	6. 국적 Quốc tịch	7. 출생국가 Quốc gia (nơi sinh)	
	8. 현주소 Địa chỉ:		
	9. 전화번호 Điện thoại	10. 휴대전화 Di động	
	11. 이메일 E-mail	12. 신분증번호 Số CMND	

여 권 H ộ chiếu	13. 여권번호 Số hộ chiếu	14. 여권종류 Loại hộ chiếu Ngoại giao -DP (), Công vụ -OF (), Phổ thông -OR (), Khác 기타()	
	15. 발급지 Nơi cấp	16. 발급일자 Ngày cấp	17. 기간만료일 Ngày hết hạn

직 업 N ghề nghiệp	18. 직업 Nghề nghiệp	19. 직장전화번호 Điện thoại công ty
	20. 직장명 및 주소 Tên công ty và địa chỉ	

결혼여부	21. []기혼 Đã kết hôn []배우자사망 Vợ/chồng đã mất []미혼 Độc thân []이혼 Ly hôn		
T ình tr ạng h ôn n h ân	22. 배우자 성명 Tên vợ/chồng	23. 배우자 생년월일 Ngày sinh của vợ/chồng	
	24. 배우자 국적 Quốc tịch của vợ/chồng	25. 배우자 연락처 Điện thoại của vợ/chồng	

26. 입국 목적 Mục đích nhập cảnh	27. 체류예정기간 Thời gian dự định lưu trú
28. 입국예정일 Ngày dự định nhập cảnh	29. 방한사실 Trước đây có đến Hàn Quốc chưa?
30. 국내체류지 Địa chỉ lưu trú tại Hàn Quốc	31. 국내전화번호 Số điện thoại tại Hàn Quốc
32. 국내 체류비용 지불자 Người chi trả lệ phí lưu trú tại Hàn Quốc?	
33. 과거 5 년간 여행국가 Những quốc gia đã đi du lịch trong 5 năm gần đây:	

※ Những người mang visa hạng C sẽ không thể thay đổi tình trạng cư trú sau khi nhập cảnh vào Hàn Quốc theo quy định tại mục 1, điều 9, Luật Quản lý Xuất Nhập Cảnh Hàn Quốc.

34. 동반가족 Gia đình đi chung	관계 Quan hệ	국적 Quốc tịch	성명 Họ và tên	생년월일 Ngày tháng năm sinh	성별 Giới tính
35. 국내 보증인 Người bảo lãnh tại Hàn Quốc	관계 Quan hệ	국적 Quốc tịch	성명 Họ và tên	생년월일 Ngày tháng năm sinh	성별 Giới tính

Tôi xin cam đoan những điều khai trong đơn này là hoàn toàn đúng sự thật theo sự hiểu biết của tôi, tôi sẽ tìm hiểu về các quy định Quản lý xuất nhập cảnh của Hàn Quốc và sẽ không có bất kỳ hành động nào không đúng với mục đích nhập cảnh mà tôi đã khai ở trên. Ngoài ra, tôi hoàn toàn hiểu rõ là bất cứ sai sót hay lời khai sai sự thật sẽ có thể bị từ chối cấp visa và việc được cấp visa cũng không đảm bảo cho người có visa được phép nhập cảnh vào Hàn Quốc tại các cảng vụ nếu người đó bị cho là thuộc đối tượng cấm nhập cảnh.

신청일자 Ngày đăng ký _____ 신청인 서명 Chữ ký người đăng ký _____

공용란 DÀNH CHO VĂN PHÒNG						
기본사항	체류자격		체류기간		사증종류	단수 · 복수(2 회, 3 회 이상)
접수사항	접수일자		접수번호		처리과	
허가사항	허가일자		허가번호		고지사항	
결 재	담당자		가 · 부	〈심사의견〉		

주입인지 부착란

Notice

- Fill out the form in English language and sign it with your signature.
- Attach a photo taken within the last 6 months.
- Submission of additional documents may be requested, after the application is completed.
- The visa issuance may be denied after the screening of the application.
- Applicants shall notify the competent Korean embassy if there is a material change after the application is lodged or a visa has been issued.
- If you obtain a new passport after a visa has been issued, you should transfer the visa onto a new passport before departure.
- If you have a history of breaking the immigration law in foreign countries, you should submit the details of it with the application.
- Visa fee is not refundable even if visa is denied.

How to fill it out

Write down the number of the Confirmation of Visa Issuance, if applicable.

1~2. Write down the name as printed in your passport. Surname is last name and given name is first name.

3. If you have the Chinese character name, write down in Chinese character.

※ Only for people from countries that use chinese character.

4. To mark your gender, check a bracket below.

5. Write down the date of birth in the order of date, month, and year.

6. Write down your nationality.

7. Write down the name of the country you were born in.

8.~11. Write down your address, phone number, mobile phone number and email in your home country.

13.~17. Write down the type of your passport (see your passport) and draw a circle around the appropriate one.

※ DP(Diplomatic Passport), OF(Official Passport), OR(Ordinary Passport)

18.~20. Write down your occupation and the phone number • name • address of your company.

21.~25. Write down personal data of your spouse, if you are married.

29. Write down how many times you have visited Korea.

30.~31. Write down the address and phone number of a place you are going to stay after arriving in Korea. If they are undecided, write down "undecided."

32. Write down who will bear the cost of your stay in Korea. (name, relation)

34. If you are a spouse or a child under the age of 20 of a person who holds the visa status of Culture and Art(D-1), Student(D-2), General Training(D-4) through Particular Occupation(E-7), fill these blanks.

35. Write down the name of person who sponsors your visa.

※ A sponsor may be a non-korean.

